

NGHỊ QUYẾT

**V/v Ban hành Quy định một số chế độ dinh dưỡng, tiền thưởng, đãi ngộ
đối với huấn luyện viên, vận động viên và chế độ chi tiêu tài chính
đối với các giải thể thao trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao năm 2006; Luật sửa đổi một số điều Luật Thể dục, thể thao năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ Quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao;

Căn cứ Thông tư số 61/2018/TT-BTC ngày 26/7/2018 của Bộ Tài chính Quy định nội dung và mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao;

Xét Tờ trình số 462/TTr-UBND ngày 26/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Quy định chế độ dinh dưỡng, tiền thưởng, đãi ngộ đối với huấn luyện viên, vận động viên và chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thể thao trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chế độ dinh dưỡng, tiền thưởng, đãi ngộ đối với huấn luyện viên, vận động viên và chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thể thao trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

(Có Quy định kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này. Hàng năm, báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 57/2012/NQ-HĐND17 ngày 13/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh và bãi bỏ Quyết định số 53/2012/QĐ-UBND ngày 06/8/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù cho huấn luyện viên, vận động viên và chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thể thao trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm đôn đốc, giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh khóa XVIII, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 05/12/2019 và có hiệu lực từ ngày 20/12/2019. /

Nơi nhận:

- UBND tỉnh; Chính phủ (b/c);
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban HĐND; các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: TU, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- TTHĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Công báo, Đài PTTH, Công TTĐT tỉnh, Báo BN, TTXVN tại BN;
- VP: CVP, phòng TH, lưu VT. *

CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Chung

QUY ĐỊNH

**Một số chế độ dinh dưỡng, tiền thưởng, đãi ngộ đối với
huấn luyện viên, vận động viên và chế độ chi tiêu tài chính
đối với các giải thể thao trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**
*(Kèm theo Nghị quyết số: 232/2019/NQ-HĐND ngày 05/12/2019
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Bắc Ninh;

Quy định chế độ tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thể thao cấp tỉnh, giải quốc gia, quốc tế; hỗ trợ chế độ đãi ngộ đối với vận động viên xuất sắc của tỉnh.

Quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với Đại hội Thể dục, Thể thao các cấp, các giải thể thao trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập luyện, tập huấn, thi đấu trong các đội tuyển thể thao tỉnh Bắc Ninh:

- a) Đội tuyển tỉnh;
- b) Đội tuyển trẻ tỉnh;
- c) Đội tuyển năng khiếu tỉnh và đội năng khiếu nghiệp dư (đội năng khiếu tỉnh tập trung tập luyện tại cơ sở).

2. Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển thể thao của các sở, ngành, huyện, thị xã, thành phố và cấp xã, trường học trong tỉnh (gọi chung là đội tuyển huyện, ngành và cơ sở).

3. Thành viên Ban chỉ đạo, ban tổ chức, tiểu ban chuyên môn, giám sát, thư ký, trọng tài điều hành giải, lực lượng làm nhiệm vụ phục vụ tổ chức hoạt động, thi đấu giải thể thao.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

CHẾ ĐỘ DINH DƯỠNG

ĐỐI VỚI HUẤN LUYỆN VIÊN, VẬN ĐỘNG VIÊN

Điều 3. Nội dung và mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng

Mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng được tính bằng tiền cho một ngày tập trung tập luyện, huấn luyện và thi đấu của huấn luyện viên, vận động viên, cụ thể như sau:

1. Mức chi trong thời gian tập trung tập luyện, huấn luyện:

(Đơn vị tính: đồng/người/ngày).

TT	Đội tuyển	Mức chi
1	Đội tuyển tỉnh	220.000
2	Đội tuyển trẻ tỉnh	175.000
3	Đội tuyển năng khiếu tỉnh	130.000

2. Đối với huấn luyện viên, vận động viên thuộc nhóm có khả năng giành huy chương, được hưởng chế độ dinh dưỡng đặc biệt trong thời gian tập luyện để chuẩn bị tham dự Đại hội Thể thao toàn quốc, giải Đại hội thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Đại hội thể thao Châu Á (ASIAD), vô địch Châu Á, vô địch Thế giới do tỉnh cử đi (trường hợp Trung ương ủy nhiệm cho Bắc Ninh thành lập, cử đội tuyển tập huấn, thi đấu quốc tế) được hưởng mức ăn hàng ngày, trong thời gian tối đa 90 ngày, cụ thể:

- Đại hội thể thao, giải quốc tế: 400.000đồng/người/ngày;

- Đại hội Thể thao toàn quốc là: 350.000đồng/người/ngày.

3. Huấn luyện viên, vận động viên đội năng khiếu nghiệp dư được hỗ trợ trong thời gian tập trung tập luyện: 1.690.000đồng/người/tháng.

4. Mức chi trong thời gian tập trung thi đấu:

(Đơn vị tính: đồng/người/ngày)

TT	Đội tuyển	Mức chi
1	Đội tuyển tỉnh	290.000
2	Đội tuyển trẻ tỉnh	220.000
3	Đội tuyển năng khiếu tỉnh	220.000

5. Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển cấp huyện, ngành và cấp cơ sở trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu được hưởng chế độ dinh dưỡng bằng 80% mức quy định của Đội tuyển tỉnh.

6. Mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với các huấn luyện viên, vận động viên khuyết tật khi được cấp có thẩm quyền triệu tập tập luyện, huấn luyện và thi đấu áp dụng theo mức chi quy định tại Khoản 1, Khoản 4 Điều này.

7. Thời gian áp dụng:

a) Thời gian áp dụng chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên được tập trung tập luyện, huấn luyện và thi đấu trong nước theo quyết định tập trung của cơ quan có thẩm quyền. Trong thời gian tập trung tập luyện, huấn luyện, thi đấu, huấn luyện viên, vận động viên bị ốm đau, chấn thương hoặc nghỉ lễ, tết theo quy định của nhà nước mà không tham gia tập luyện được giữ nguyên chế độ tiền ăn.

b) Tùy thuộc tính chất của từng giải thi đấu, Giám đốc Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Thủ trưởng Sở, ngành quyết định thời gian cho huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển thể thao cùng cấp được hưởng chế độ dinh dưỡng tập huấn, thi đấu theo quy định của Điều lệ từng giải.

c) Trường đoàn, phó trường đoàn, nhân viên y tế, nhân viên phục vụ theo quyết định thành lập đoàn, trong thời gian đoàn đi thi đấu được hưởng chế độ như huấn luyện viên, vận động viên quy định tại Điểm b Khoản này.

Mục 2

TIỀN THƯỞNG VÀ CHẾ ĐỘ ĐÃI NGỘ ĐỐI VỚI HUẤN LUYỆN VIÊN, VẬN ĐỘNG VIÊN

Điều 4. Tiền thưởng

Thưởng bằng tiền đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thể thao thành tích cao và giải thể thao cấp tỉnh

1. Chế độ thưởng lập thành tích tại giải thể thao quốc tế:

- Huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thể thao quốc tế, ngoài chế độ thưởng theo quy định tại Nghị định 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ, được thưởng theo quy định của tỉnh, cụ thể:

Đơn vị tính: Triệu đồng

T T	Tên cuộc thi	Mức thưởng			
		HCV	HCB	HCD	Phá kỷ lục
I	Đại hội thể thao				
1	Đại hội Olympic	170	100	70	+70

2	Đại hội Olympic trẻ	50	30	20	+15
3	Đại hội thể thao châu Á	80	40	30	+30
4	Đại hội thể thao Đông Nam Á	30	15	10	+10
II	Giải vô địch thể giới từng môn				
1	Nhóm I	90	60	35	+35
2	Nhóm II	40	20	15	+15
3	Nhóm III	25	15	10	+10
III	Giải vô địch châu Á từng môn				
1	Nhóm I	40	20	15	+15
2	Nhóm II	25	15	10	+10
3	Nhóm III	20	10	5	+5
IV	Giải vô địch Đông Nam Á từng môn				
1	Nhóm I	20	10	5	+5
2	Nhóm II	15	10	5	+5
3	Nhóm III	10	5	4	+4
V	Đại hội Thể thao khác				
1	Đại hội thể thao quy mô Thế giới khác	35	20	15	+15
2	Đại hội thể thao quy mô Châu Á khác	15	10	5	+5

- Huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại giải thể thao quốc tế dành cho người khuyết tật được thưởng bằng 60% quy định trên.

2. Mức thưởng lập thành tích tại các giải thể thao quốc gia:

Huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thể thao quốc gia được thưởng:

a) Thưởng cá nhân:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên cuộc thi	Mức thưởng			
		HCV	HCB	HCD	Phá kỷ lục
1	Đại hội Thể thao toàn quốc	20	15	7	+8
2	Giải vô địch quốc gia	15	7	5	+5
3	Giải Cúp, vô địch trẻ quốc gia	6	4	3	

4	Giải vô địch trẻ quốc gia có quy định lứa tuổi	4	3	2	
5	Vận động viên đạt kiện tướng	10			

b) Thưởng Đội bóng chuyên nữ và Đội bóng đá nam của tỉnh:

- Mức thưởng toàn đội: Đội bóng chuyên nữ và đội bóng đá nam đạt thành tích tại giải quốc gia được thưởng:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên cuộc thi	Mức thưởng		
		Nhất	Nhì	Ba
I	Đội bóng chuyên nữ			
1	Giải hạng vô địch quốc gia	300	200	100
2	Giải hạng A quốc gia	100	50	30
II	Đội bóng đá nam			
1	Giải hạng vô địch quốc gia	500	400	300
2	Giải hạng Nhất quốc gia	300	200	100
3	Giải hạng Nhì quốc gia	150	100	70
4	Giải hạng Ba quốc gia	100	70	50

- Thưởng đội bóng đạt thành tích tại các giải trẻ: Mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên theo quy định điều lệ giải nhân với mức thưởng cá nhân tương ứng quy định tại số thứ tự 3 và 4, Điểm a, Khoản 2 của Điều này.

3. Mức thưởng giải thể thao cấp tỉnh:

a) Mức thưởng giải tỉnh:

Vận động viên đạt thành tích tại các giải thể thao cấp tỉnh được thưởng:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Mức thưởng			
		Nhất	Nhì	Ba	Khuyến khích
1	Giải cá nhân	3	2	1,5	1
2	Giải toàn Đoàn	8	6	4	2

Việc tính thưởng đối với môn, nội dung thi đấu tập thể, đồng đội được áp dụng theo quy định tại Nghị định 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ.

b) Mức thưởng giải thể thao quần chúng cấp huyện, ngành và cơ sở bằng 80% mức quy định đối với giải thi đấu cấp tỉnh.

Điều 5. Chế độ đãi ngộ

1. Chế độ đãi ngộ đối với vận động viên:

Đãi ngộ bằng tiền đối với vận động viên xuất sắc:

Đơn vị tính: Mức lương cơ sở

TT	Hệ thống thi đấu	Thành tích	Chế độ /tháng	Thời gian được hưởng	
1	Đại hội thể thao Olympic (Thế vận hội)	Vàng	35 lần	4 năm	
		Bạc	25 lần		
		Đồng	15 lần		
2	Đại hội thể thao Olympic trẻ (Thế vận hội trẻ)	Vàng	20 lần		
		Bạc	15 lần		
		Đồng	10 lần		
3	Đại hội Thể thao Châu Á (ASIAD)	Vàng	20 lần		1 năm
		Bạc	10 lần		
4	Vô địch thế giới	Vàng	20 lần		
		Bạc	10 lần		
5	Vô địch trẻ thế giới	Vàng	15 lần		
		Bạc	8 lần		
6	Vô địch Châu Á	Vàng	15 lần	1 năm	
		Bạc	8 lần		
7	Đại hội thể thao Đông Nam Á (SEA Games)	Vàng	10 lần	2 năm	
		Bạc	5 lần		
8	Vô địch Đông Nam Á	Vàng	5 lần	1 năm	
9	Đại hội TDTT toàn quốc	Vàng	5 lần		
10	Vô địch quốc gia	Vàng	2 lần		

Thời gian được hưởng kể từ ngày vận động viên đạt thành tích có quyết định công nhận của cơ quan có thẩm quyền. Mỗi vận động viên chỉ được hưởng chế độ của

01 huy chương có thành tích cao nhất, tại thời điểm được hưởng chế độ đãi ngộ trên.

2. Thu hút ban đầu vận động viên về đội bóng tỉnh:

Vận động viên về tập luyện, thi đấu cho Đội bóng chuyên nữ, Đội bóng đá nam tỉnh Bắc Ninh, cam kết từ 5 năm trở lên sẽ được hỗ trợ một lần: vận động viên kiện tướng là 60.000.000 đồng; vận động viên cấp I là 30.000.000 đồng.

3. Thuê, hợp đồng huấn luyện viên, chuyên gia giỏi, vận động viên xuất sắc:

Đối với huấn luyện viên, chuyên gia giỏi, vận động viên xuất sắc đảm bảo phù hợp yêu cầu phát triển thể thao thành tích cao của tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề xuất trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Các chế độ chính sách khác

Những nội dung không quy định tại Nghị quyết này thì được thực hiện theo Nghị định 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ và Thông tư số 61/2018/TT-BTC ngày 26/7/2018 của Bộ Tài chính.

Mục 3

CHẾ ĐỘ CHI TIÊU TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CÁC GIẢI THỂ THAO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Điều 7. Chế độ chi tiêu các giải thể thao

1. Quy định chung: Thực hiện các chế độ chi tiêu tài chính trong các giải thể thao, đảm bảo theo đúng Thông tư 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30/12/2011 của Liên bộ Tài chính, Văn hoá - Thể thao & Du lịch và các quy định tại văn bản này.

2. Qui định cụ thể:

- Giải thể thao cấp tỉnh:

TT	Đối tượng	Mức chi
I	Tiền bồi dưỡng làm nhiệm vụ	
1	Thành viên Ban chỉ đạo, Ban tổ chức, Trưởng, Phó Tiểu ban chuyên môn	80.000 đồng/người/ngày
2	Thành viên các Tiểu ban chuyên môn	60.000 đồng/người/ngày
3	Giám sát, Trọng tài chính	60.000 đồng/người/buổi
4	Thư ký, các Trọng tài khác	50.000 đồng/người/buổi
5	Công an, y tế	45.000 đồng/người/buổi

6	Lực lượng bảo vệ trật tự, nhân viên phục vụ	45.000 đồng/người/buổi
II	Tiền ăn	
1	Thành viên Ban chỉ đạo, Ban tổ chức, Trưởng, Phó Tiểu ban chuyên môn	150.000 đồng/người/ngày
2	Thành viên các Tiểu ban chuyên môn	
3	Giám sát, Trọng tài chính	
4	Thư ký, các Trọng tài khác	

- Tham gia đồng diễn, diễu hành Đại hội Thể dục thể thao, Hội thi thể thao cấp tỉnh:

Đơn vị tính: đồng/người/buổi

TT	Đối tượng	Nội dung	Mức chi	Ghi chú
1	Người tập	Tập luyện	30.000	Tối đa 02 buổi
		Tổng duyệt	40.000	
		Chính thức	70.000	
2	Giáo viên, cán bộ quản lý		60.000	

- Giải thể thao quần chúng, đồng diễn, diễu hành Đại hội Thể dục thể thao, hội thi thể thao cấp huyện, ngành và cơ sở: Mức chi bằng 80% quy định đối với giải thi đấu cấp tỉnh.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Thẩm quyền

1. Giám đốc sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định thành lập đội tuyển, thời gian tập luyện, huấn luyện và thi đấu đối với huấn luyện viên, vận động viên vào đội tuyển tỉnh, đội tuyển trẻ tỉnh, đội tuyển năng khiếu tỉnh, đội năng khiếu nghiệp dư; đề xuất cấp có thẩm quyền thưởng thành tích các giải thể thao quốc gia, quốc tế; quyết định thành lập Ban tổ chức, các tiểu ban, lực lượng làm nhiệm vụ và thời gian tổ chức giải cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã, Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh, đơn vị quyết định thành lập đội tuyển, thời gian tập luyện, huấn luyện và thi đấu đối với huấn luyện viên, vận động viên vào đội tuyển cấp huyện, ngành và cơ sở; danh sách

Ban tổ chức, các tiểu ban, lực lượng làm nhiệm vụ và thời gian tổ chức giải thuộc phạm vi, quyền hạn của cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Ngân sách tỉnh đảm bảo kinh phí thực hiện các chế độ đối với các huấn luyện viên, vận động viên thuộc các đội tuyển tỉnh quản lý gồm: Đội tuyển tỉnh, đội tuyển trẻ tỉnh, đội tuyển năng khiếu tỉnh, đội năng khiếu nghiệp dư; kinh phí tổ chức các giải thể thao cấp tỉnh.

2. Ngân sách cấp huyện, cấp xã, các đơn vị, sở, ngành đảm bảo kinh phí thực hiện chế độ dinh dưỡng, thưởng và tổ chức giải thể thao quần chúng cùng cấp đối với các huấn luyện viên, vận động viên thuộc các đội tuyển do cấp, đơn vị trực tiếp quản lý.

3. Cơ quan được giao chủ trì bảo đảm chế độ, chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên và tổ chức giải thể thao có trách nhiệm lập kế hoạch dự toán kinh phí hàng năm, đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định và chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

4. Khuyến khích các cá nhân, đơn vị và các tổ chức liên quan khai thác các nguồn thu hợp pháp khác để bổ sung thêm chế độ dinh dưỡng, tiền thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên và tổ chức các giải, hoạt động thể thao.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Các mức chi chế độ dinh dưỡng, tiền thưởng, chế độ chi tiêu tài chính áp dụng theo Nghị định 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ, Thông tư số 61/2018/TT-BTC ngày 26/7/2018 của Bộ Tài chính, Thông tư số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30/12/2011 của Liên Bộ Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Khi có các văn bản mới thay thế hoặc bổ sung các văn bản trên thì được áp dụng theo văn bản mới.

2. Huấn luyện viên, vận động viên đã lập thành tích tại các giải thể thao quốc gia, quốc tế từ ngày 01/01/2019 đến khi Nghị quyết này có hiệu lực, nếu chưa được thưởng theo Quyết định số 33/2012/QĐ-UBND ngày 06/8/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh thì được thực hiện theo chế độ quy định tại Nghị quyết này. /

**CHỦ TỊCH**
Nguyễn Quốc Chung